TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 86/2018/HCST
Ngày: 26/11/2018
V/v *"Kiện Quyết định hành Trong lĩnh vực Thuế"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Thiện
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Sương
Bà Huỳnh Thị Thanh Liên

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Mỹ Tho - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý 162/2018/TLST-HC ngày 26/7/2018 về việc khởi kiện "Quyết định số 5616/QĐ-CT về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 94/2018/QĐST-HC ngày 01/11/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2018/QĐST-HC ngày 13/11/2018, Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 65/2018/QĐST-HC ngày 26/11/2018, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng T.

Địa chỉ: thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Đại diện theo pháp luật: Ông Lục N, chức vụ: Giám đốc;

Địa chỉ: Phường 3, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, có mặt;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn N;

Địa chỉ: Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, có mặt;

Người bị kiện: Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Lê Đình Hoàng Đ – Trưởng phòng Kiểm tra thuế số 02, có mặt;

Địa chỉ: Phường Phước Trung, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

NHẬN THẤY:

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa người khởi kiện trình bày như sau:

Ngày 18/6/2018 Cục thuế tỉnh B lập Biên bản vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng T (gọi là Công ty T), Cục thuế cho rằng Công ty T đã có hành vi vi phạm hành chính: Khai sai thuế thu nhập doanh nghiệp dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp.

Ngày 25/6/2018 Cục trưởng Cục thuế tỉnh B ban hành Quyết định số 5616/QĐ-CT về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty T, (Gọi là **Quyết định số 5616**), trong đó có nội dung:

- Truy thu thuế Thu nhập doanh nghiệp các năm 2013, 2014, 2015 và 2016 với tổng số tiền là 6.898.068.320 đồng;
- Phạt bằng tiền với mức phạt bằng 20% trên số tiền thuế kê khai sai, với số tiền phạt là 1.379.613.664 đồng;
- Tiền chậm nộp thuế tính trên số tiền thuế kê khai sai và số ngày chậm nộp, tổng số tiền là 2.116.425.980 đồng.

Tổng số tiền phải nộp là 10.394.107.964 đồng.

Cục thuế tỉnh B truy thu tiền thuế của Công ty T là không đúng, xâm phạm đến lợi ích chính đáng của Công ty T.

Cơ sở pháp lý khởi kiện:

Căn cứ các Giấy chứng nhận đầu tư đã được cấp và quy định về việc ưu đãi khi mở rộng dự án đầu tư thì:

- Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư bổ sung số 4369/GCN.UB ngày 11/11/1999 của UBND tỉnh BR-VT cấp, đối với dự án đầu tư "Khai thác chế biến đá xây dựng", được hưởng ưu đãi đầu tư như sau: Thuế suất thuế TNDN 15% *(không ghi thời gian được hưởng)*; Miễn thuế 4 năm và giảm 50% thuế TNDN trong 7 năm tiếp theo kể từ năm có thu nhập chịu thuế.
- Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư bổ sung số 42/GCN.UB ngày 01/11/2002 của UBND tỉnh BR-VT cấp đối với dự án đầu tư "Mua dây chuyền nghiền đá" được hưởng ưu đãi đầu tư như sau: Thuế suất thuế TNDN 20% *(không ghi thời gian được hưởng)*.
- Thông báo số 1586/TB.CT-NQD ngày 13/12/1999 của Tổng cục thuế có ghi rõ: Miễn thuế 4 năm và giảm 50% thuế TNDN trong 7 năm tiếp theo kể từ khi

có thu nhập chịu thuế; Được hưởng mức thuế suất thuế TNDN 15% *(không ghi thời gian được hưởng)*.

- Điểm 5.1.4 Khoản 5 Thông tư số 88/TT-BTC ngày 01/9/2004 của Bộ Tài chính quy định: "*Đối với cơ sở kinh doanh mà đang hoạt động mà có dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ, cải thiện môi trường sinh thái, nâng cao năng lực sản xuất thì mức thuế suất áp dụng đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mang lại như sau: Trường hợp dự án đầu tư vào cùng ngành nghề, lĩnh vực, cùng địa bàn với trụ sở chính của cơ sở kinh doanh thì phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại áp dụng theo mức thuế suất mà cơ sở kinh doanh đang áp dụng*".

Căn cứ vào các Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư thì Công ty T được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 15% là trong suốt quá trình thực hiện dự án.

Điều 20 Luật khuyến khích đầu tư năm 1998 quy định: *"Nhà đầu tư có dự án đầu tư quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: Đầu tư vào lĩnh vực quy định tại Điều 15 của Luật này ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được hưởng thuế suất 15%"*.

Điều 15, Điều 16, Điều 19 Nghị định 51/1999 quy định:

Điều 15: Dự án đầu tư đáp ứng một trong các điều kiện sau đây được ưu đãi đầu tư: 1. Đầu tư vào các ngành, nghề quy định tại Danh mục A phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 16. Dự án đầu tư vào các địa bàn sau đây được ưu đãi:

2. Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc Danh mục C phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 20. Ưu đãi về thuế suất, thuế thu nhập doanh nghiệp

Nhà đầu tư có dự án đầu tư thuộc Danh mục A hoặc dự án đầu tư thực hiện tại địa bàn quy định tại Danh mục B hoặc C được hưởng ưu đãi về thuế suất, thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

5. Thuế suất 15% đối với dự án đầu tư thuộc Danh mục A thực hiện tại địa bàn thuộc Danh mục C.

Mục 4 Phần VII Danh mục A – Ngành, nghề thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư:

4. Sản xuất nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu;...., vật liệu xây dựng; sản xuất phân bón; sản xuất hóa chất cơ bản;

Điểm 19 Danh mục C-Địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn:

19. Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

1- Huyện Tân Thành.

Căn cứ quy định của Luật khuyến khích đầu tư và Nghị định 51/1999, Công ty T được hưởng thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 15% theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư đã được cấp do thuộc ngành nghề ưu đãi đầu tư (sản xuất vật liệu xây dựng) và thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư (huyện Tân Thành, tỉnh BR-VT).

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 1996 quy định:

Điều 76. Hiệu lực trở về trước của văn bản quy phạm pháp luật

2- Không được quy định hiệu lực trở về trước đối với các trường hợp sau đây:

a) Quy định trách nhiệm pháp lý mới đối với hành vi mà vào thời điểm thực hiện hành vi đó pháp luật không quy định trách nhiệm pháp lý;

b) Quy định trách nhiệm pháp lý nặng hơn.

Điều 80. Áp dụng văn bản quy phạm pháp luật

2- Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề, thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn.

Thông tư 98/2002/TT-BTC ngày 24/10/2002 quy định:

2- Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi cụ thể như sau:

2.5- Thuế suất 15% đối với dự án đầu tư vào ngành, nghề quy định tại Danh mục A và thực hiện tại địa bàn quy định tại Danh mục C Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 35/2002/NĐ-CP .

Thuế suất, thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi theo hướng dẫn tại mục I, phần B Thông tư này chỉ được áp dụng trong thời gian dự án đầu tư được hưởng ưu đãi về miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp ...".

Quy định này trái với quy định tại Luật khuyến khích đầu tư trong nước năm 1998 và Nghị định 51/1999 về thời hạn hưởng ưu đãi thuế suất thuế TNDN.

Theo Công văn số 4949/KTrVB-KT ngày 28/8/2017 của Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư Pháp thì Thông tư 98/2002/TT-BTC là "không phù hợp ngay từ thời điểm ban hành"; đồng thời căn cứ Điều 75, 76, 80 của Luật ban hành Văn bản quy phạm pháp luật thì Thông tư 98/2002 không có hiệu lực hồi tố trở về trước nên không thay đổi mức ưu đãi đầu tư của Công ty đã được cấp phù hợp với quy định pháp luật trước đó. Vì vậy Công ty T vẫn được hưởng mức thuế suất 15% trong suốt thời gian hoạt động là đúng quy định.

Tại tiểu mục 1 Mục III Phần C của Thông tư 98/2002/TT-BTC có quy định:

1. Đối với các dự án đầu tư đã được cấp giấy chứng nhận ưu đãi theo quy định của Luật khuyến khích đầu tư trong nước mà nay không thuộc các Danh mục A,B và C Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 35/2002/NĐ-CP thì vẫn tiếp tục hưởng các ưu đãi về thuế theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư đã cấp.

Căn cứ quy định này thì Công ty T đã được cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư trước ngày ban hành Thông tư 98/2002 và Nghị định 35/2002/NĐ-CP; Công ty T mặc dù không còn thuộc Danh mục A (sản xuất vật liệu xây dựng) nhưng vẫn tiếp tục hưởng các ưu đãi về thuế theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư đã cấp.

Khoản 2 Điều 50 Nghị định 164/2003/NĐ-CP (Thay thế Nghị định 51/1999) quy định:

2. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp Giấy phép đầu tư và các cơ sở kinh doanh trong nước đã được cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư thì tiếp tục được hưởng các ưu đãi về thuế ghi trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư.

Thông tư 98/2002 hướng dẫn Nghị định 51/1999 đã hết hiệu lực, do Nghị định 51/1999 đã bị thay thế bởi Nghị định 164/2003 nên không thể áp dụng Thông tư 98/2002 tại thời điểm năm 2018 để xử phạt đối với Công ty T được.

Từ những căn cứ trên: Công ty T được hưởng mức thuế suất ưu đãi 15% tại Giấy phép ưu đãi đầu tư là căn cứ vào Luật khuyến khích đầu tư năm 1998 và NĐ 51/1999, không có quy định thời hạn hưởng ưu đãi thuế suất thuế TNDN.

Quy định về thời hạn ưu đãi thuế suất thuế TNDN của Thông tư 98/2002 mâu thuẫn với quy định tại Luật khuyến khích đầu tư năm 1998, với Nghị định 51/1999 (không quy định thời hạn ưu đãi thuế suất thuế TNDN), áp dụng Luật Ban hành văn bản QPPL thì Thông tư 98 là trái với văn bản có hiệu lực cao hơn nên Thông tư 98 không được áp dụng; Thông tư 98 năm 2002, không được phép có hiệu lực hồi tố (về những quy định đã được áp dụng trước khi thông tư ban hành);

Quy định tại tiểu mục 1 mục III Phần C Thông tư 98 thì Công ty T vẫn áp dụng ưu đãi đầu tư theo Giấy chứng nhận đầu tư đã được cấp, không có thời hạn về ưu đãi thuế suất là đúng quy định.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tuyên hủy Quyết định số 5616/QĐ-CT ngày 25/6/2018 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh B.

Quá trình tham gia tố tụng người bị kiện Cục trưởng Cục thuế tỉnh B trình bày:

Cục thuế tỉnh B giữ nguyên ý kiến tại Văn bản số 7965/CT-KTr2 ngày 30/8/2018 của Cục thuế tỉnh B.

Sau khi Cơ quan Kiểm toán vào kiểm tra Công ty T, đã phát hiện từ năm 2013 trở đi Công ty T hưởng thuế suất ưu đãi 15% là không đúng theo quy định tại Thông tư số 98/2002 của Bộ Tài chính.

Kể từ năm 2013 trở đi thì Công ty T áp dụng thuế suất phổ thông. Cơ quan Kiểm toán yêu cầu xử lý với Công ty T do đó Cục thuế tỉnh B ban hành Quyết định số 5616 về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty T, trong đó có nội dung:

Truy thu Thuế thu nhập doanh nghiệp các năm 2013, 2014, 2015, 2016 tổng số tiền là 6.898.068.320 đồng. Phạt bằng tiền với mức phạt bằng 20% trên số tiền thuế kê khai sai, số tiền phạt là 1.379.613.664 đồng; Tiền chậm nộp thuế tính trên số tiền thuế kê khai sai, số ngày chậm nộp, tổng số tiền là 2.116.425.980 đồng. Tổng số tiền là 10.394.107.964 đồng.

Do đó, Quyết định số 5616/QĐ-CT ngày 25/6/2018 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh B được ban hành đúng quy định, đề nghị Tòa án xem xét.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh BR-VT phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

- Về nội dung:

Căn cứ Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư bổ sung số 4369/GCN.UB ngày 11/11/1999 của UBND tỉnh BR-VT cấp cho Công ty T được hưởng thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 15% theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư đã được cấp (không ghi thời gian được hưởng), phù hợp với Điều 20 Luật khuyến khích đầu tư trong nước năm 1998, Điều 20 Nghị định 51/1999/NĐ-CP, Khoản 2 Điều 50 Nghị định 164/2003/NĐ-CP

Cục Thuế căn cứ quy định tại mục I Phần B Thông tư 98 cho rằng Công ty T chỉ áp dụng ưu đãi đầu tư theo Giấy chứng nhận đầu tư đã được cấp trong thời gian dự án đầu tư được hưởng ưu đãi về miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (ưu đãi thuế suất 15% đến năm 2012) là không phù hợp, bởi lẽ Thông tư 98/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định 51/1999 đã hết hiệu lực từ ngày 01/01/2004, do Nghị định 51/1999 đã bị thay thế bởi Nghị định 164/2003 nên

không thể áp dụng Thông tư 98/2002 tại thời điểm năm 2018 để xử phạt đối với Công ty T được. Điều này thể hiện rõ tại Công văn số 14384/BTC-PC ngày 25/10/2017 của Bộ Tài chính về rà soát với Thông tư 98/2002/TT-BTC của Bộ tài chính gửi Cục Kiểm tra Văn bản qui phạm pháp luật - Bộ Tư Pháp.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện hủy Quyết định số 5616 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập các đương sự tham gia phiên tòa 02 lần hợp lệ, tại phiên tòa người bị kiện vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tham gia phiên tòa. Căn cứ Điều 157, Điều 158 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử vắng mặt là đúng quy định.

[2] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền: Quyết định số 5616/QĐ-CT ngày 25/6/2018 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B (Gọi tắt **Quyết định số 5616**) là quyết định hành chính trong lĩnh vực Thuế, thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT theo khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 16/7/2018 Công ty Trách nhiệm hữu hạn khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng T (Công ty T) khởi kiện Quyết định số 5616 là còn trong thời hiệu theo khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[4] Về trình tự, thẩm quyền ban hành quyết định: Cục trưởng Cục thuế tỉnh B ban hành Quyết định số 5616 là đúng luật xử phạt vi phạm hành chính năm 2015.

[5] Về nội dung:

[5.1] Cơ quan Kiểm toán nhà nước kiểm tra Công ty T đã phát hiện từ năm 2013 trở đi Công ty T hưởng thuế suất ưu đãi 15% là không đúng theo quy định tại Thông tư số 98/2002/TT-BTC ngày 24/10/2002 của Bộ Tài chính (Gọi là ***Thông tư số 98***). Kể từ năm 2013 trở đi thì phải tính thuế suất phổ thông với Công ty T. Cơ quan Kiểm toán đề nghị Cục thuế tỉnh B xử lý vi phạm về thuế đối với Công ty T.

Tại Quyết định số 5616 về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty T, có nội dung: Truy thu Thuế thu nhập doanh nghiệp các năm 2013, 2014, 2015, 2016 với tổng số tiền là 6.898.068.320 đồng; Phạt bằng tiền với mức phạt bằng 20% trên số tiền thuế kê khai sai, số tiền phạt là 1.379.613.664 đồng; Tiền chậm nộp thuế tính trên số tiền thuế kê khai sai, số ngày chậm nộp, số tiền là 2.116.425.980 đồng. Tổng số tiền là 10.394.107.964 đồng.

[5.2] Xét thấy Cục trưởng Cục thuế tỉnh B ban hành Quyết định số 5616 căn cứ quy định tại mục I Phần B Thông tư số 98 là không đúng, bởi vì Thông tư 98 hướng dẫn Nghị định 51 đã hết hiệu lực do Nghị định 51/1999/NĐ-CP ngày 8/7/1999 ***(Nghị định 51)*** đã bị thay thế bởi Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 ***(Nghị định 164)***.

Tại Công văn số 14384/BTC-PC ngày 25/10/2017 của Bộ tài chính (Trả lời Công văn số 449/KTrVB-KT ngày 25/8/2017 của Cục Kiểm tra Văn bản qui phạm pháp luật - Bộ Tư Pháp) cũng khẳng định Thông tư 98/2002/TT-BTC hết hiệu lực từ khi Nghị định 164 có hiệu lực ngày 01/01/2004.

Từ ngày 01/01/2004 Thông tư 98 hết hiệu lực, vì vậy không thể áp dụng Thông tư 98/2002/TT-BTC để xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty T trong các năm 2013, 2014, 2015, 2016.

[5.3] Điều 20 Luật khuyến khích đầu tư trong nước năm 1998 quy định:

"Nhà đầu tư có dự án đầu tư quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:.....

3. Đầu tư vào lĩnh vực quy định tại Điều 15 của Luật này ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được hưởng thuế suất 15%".

Điều 20 Nghị định 51 quy định:

Nhà đầu tư có dự án đầu tư thuộc Danh mục A hoặc dự án đầu tư thực hiện tại địa bàn quy định tại Danh mục B hoặc C được hưởng ưu đãi về thuế suất, thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

5. Thuế suất 15% đối với dự án đầu tư thuộc Danh mục A thực hiện tại địa bàn thuộc Danh mục C.

Căn cứ quy định của Luật khuyến khích đầu tư trong nước và Nghị định 51 nêu trên đều không qui định thời hạn hưởng thuế xuất là 15% như Thông tư 98 qui định.

Tại khoản 2 Điều 50 Nghị định 164 qui định:

"2. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp Giấy phép đầu tư và các cơ sở kinh doanh trong nước đã được cấp Giấy chứng nhận ưu đãi

đầu tư ***thì tiếp tục được hưởng các ưu đãi về thuế ghi trong Giấy phép đầu tư****, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư.*"

Tại Điều 76. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 1996 quy định:

2- Không được quy định hiệu lực trở về trước đối với các trường hợp sau đây:

a) Quy định trách nhiệm pháp lý mới đối với hành vi mà vào thời điểm thực hiện hành vi đó pháp luật không quy định trách nhiệm pháp lý;

b) Quy định trách nhiệm pháp lý nặng hơn.

Điều 80. Áp dụng văn bản quy phạm pháp luật

2- Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề, thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn.

[5.4] Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư bổ sung số 4369/GCN.UB ngày 11/11/1999 của UBND tỉnh BR-VT cấp cho Công ty T đối với dự án đầu tư "Khai thác chế biến đá xây dựng" được hưởng thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 15% theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư đã được cấp (không ghi thời gian được hưởng) do thuộc ngành nghề ưu đãi đầu tư (sản xuất vật liệu xây dựng) và thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư (huyện Tân Thành, tỉnh BR-VT) là phù hợp với các qui định nêu trên.

- Điểm 5.1.4 Khoản 5 Thông tư số 88/TT-BTC ngày 01/9/2004 của Bộ Tài chính quy định: "*Đối với cơ sở kinh doanh mà đang hoạt động mà có dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ, cải thiện môi trường sinh thái, nâng cao năng lực sản xuất thì mức thuế suất áp dụng đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mang lại như sau: Trường hợp dự án đầu tư vào cùng ngành nghề, lĩnh vực, cùng địa bàn với trụ sở chính của cơ sở kinh doanh thì phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại áp dụng theo mức thuế suất mà cơ sở kinh doanh đang áp dụng*".

Căn cứ vào các Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư thì Công ty T được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 15% là trong suốt quá trình thực hiện dự án.

[6] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BR-VT nhận định và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T để hủy Quyết định số 5616 là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các căn cứ trên, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T hủy Quyết định số 5616 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh B .

[7] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì Công ty T không phải nộp; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, Điều 157, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính;

Áp dụng: Khoản 3 Điều 20 Luật khuyến khích đầu tư trong nước năm 1998; Khoản 5 Điều 20 Nghị định 51/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999; Khoản 2 Điều 50 Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ; Điểm 5.1.4 Khoản 5 Thông tư số 88/TT-BTC ngày 01/9/2004 của Bộ Tài chính; Điều 76, 80 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 1996; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng T; Hủy Quyết định số 5616/QĐ-CT ngày 25/6/2018 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Công ty TNHH khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng T không phải nộp; Trả lại cho Công ty TNHH khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng T số tiền 300.000đ đã nộp theo Biên lai thu số 0003248 ngày 24/7/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B phải nộp án phí 300.000 đồng.

3. Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA

(Đã ký)

Đào Đức Thiện